

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH



**ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
GIAI ĐOẠN 2026-2030
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
(ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
THÔNG QUA)**

Hưng Yên, tháng 5/2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	4
II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	4
II.1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát:	4
II.2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:	5
III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY.....	5
III.1 Các thông tin chung	5
III.2. Ngành nghề kinh doanh.....	5
III.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
III.4. Một số kết quả đạt được	6
III.5. Quản lý nhà nước liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
III.5.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
III.5.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp nước sạch	7
IV. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH.....	8
IV.1. Nguồn nước và các nhà máy nước	8
IV.1.1. Mô tả chung hệ thống cấp nước	8
IV.1.2. Nguồn nước thô.....	8
IV.1.3. Hệ thống truyền tải nước thô.....	9
IV.1.4. Nhà máy nước	9
IV.2. Hệ thống truyền tải, phân phối, chất lượng sản phẩm và dịch vụ	9
IV.2.1. Hệ thống trạm tăng áp, ống truyền tải và mạng lưới phân phối.....	9
IV.2.2. Chất lượng nước	10
IV.2.3. Chất lượng dịch vụ	10
IV.2.4. Vùng phục vụ, khách hàng và dân số được cấp nước	10
IV.3. Các dự án đã đầu tư những năm qua và đánh giá thực trạng Hệ thống cấp nước.....	11
IV.3.1. Các dự án đã đầu tư những năm qua	11
IV.3.2. Đánh giá thực trạng hệ thống cấp nước Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình.....	12
IV.4. Bộ máy tổ chức.....	13
IV.5. Các tổ chức chính trị - đoàn thể	14
IV.5.1. Đảng bộ Công ty.....	14
IV.5.2. Công đoàn Công ty.....	14
IV.5.3. Đoàn thanh niên Công ty.....	15
V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021-2025.....	15
VI. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026	16
VI.1. Đánh giá thực tế và bối cảnh tăng trưởng năm 2026.....	17
VI.2. Các chỉ tiêu dự kiến xây dựng	17

VII. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026-2030	17
VII.1. Mục tiêu, định hướng giai đoạn 2026-2030	17
VII.2. Căn cứ lập, tính toán chỉ tiêu Định hướng Chiến lược giai đoạn 2026-2030	18
VII.2.1. Căn cứ vào các Quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành.....	18
VII.2.2. Căn cứ thực tế kết quả Sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.	23
VII.2.3. Dự kiến phát triển khách hàng, sản lượng, doanh thu giai đoạn 2026- 2030	23
VII.2.3.1. Công tác phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030	23
VII.2.3.2. Tỷ lệ tăng trưởng nhu cầu dùng nước tiêu thụ, nước sản xuất	24
VII.2.3.3. Tăng trưởng doanh thu/doanh thu SXKD nước sạch	24
VII.2.3.4. Tỷ lệ lợi nhuận/ lợi nhuận trước thuế tỷ lệ chia cổ tức.....	24
VII.3. Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 các lĩnh vực	24
VII.3.1. Định hướng chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2026-2030	24
VII.3.2. Định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp	25
VII.3.3. Định hướng chiến lược phát triển khách hàng	26
VII.3.4. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh chung	26
VII.3.5. Định hướng Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước giai đoạn 2026-2030	27
VIII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	28
VIII.1 Tăng cường quản trị doanh nghiệp.....	28
VIII.1.1. Tăng cường quản trị chiến lược	28
VIII.1.2. Hiện đại hóa hệ thống giám sát và quản lý chất lượng nước	28
VIII.1.3. Tối ưu hóa quản lý và điều hành sản xuất.....	28
VIII.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tài chính	29
VIII.1.5. Tăng cường quản lý tài sản	30
VIII.1.6. Áp dụng hệ thống, công cụ quản lý doanh nghiệp	32
VIII.2. Phát triển mở rộng vùng phục vụ, nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng	32
VIII.2.1. Nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ	32
VIII.2.2. Thúc đẩy các giải pháp nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng	32
VIII.3. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới.....	33
VIII.4. Tổ chức, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực	34
VIII.4.1. Tổ chức, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.....	34
VIII.4.2. Chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực	34
VIII.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực	35
VIII.5. Mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi học tập kinh nghiệm	35
VIII.6. Huy động các nguồn vốn.....	35
VIII.7. Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông, quảng bá doanh nghiệp.....	35
VIII.8. Bảo vệ nguồn nước và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	35
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ	35

LỜI MỞ ĐẦU

Với bề dày truyền thống, giữ vai trò chủ lực trong lĩnh vực cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát triển đô thị của tỉnh Thái Bình trước đây. Trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi mô hình hoạt động, từ doanh nghiệp công ích sang Công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối, Công ty không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới cấp nước và khẳng định uy tín, vị thế trong ngành cấp nước đô thị tại Việt Nam.

Giai đoạn 2026-2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế số, đô thị thông minh và biến đổi khí hậu đang đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, công nghệ và nguồn lực. Việc xây dựng Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 nhằm xác định rõ mục tiêu, ưu tiên phát triển, lộ trình hành động và các giải pháp tổng thể, toàn diện làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức bộ máy trong những năm tới.

Tài liệu này được xây dựng dựa trên tổng hợp phân tích về thực trạng nội tại của Công ty, quy hoạch phát triển của tỉnh Thái Bình trước đây, các yêu cầu về pháp lý, định hướng của Chính phủ và các bộ ngành, cùng với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước đô thị. Từ đó, hoạch định rõ chiến lược phát triển đồng bộ trên các trụ cột: hiện đại hoá công nghệ, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến quản trị, tối ưu tài chính và mở rộng vùng phục vụ.

Chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính sau: (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn; (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ; (3) Tối ưu hoá hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy; (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hiện đại hoá hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên môn cao, chuyên nghiệp và gắn bó; (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

Việc triển khai thành công Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 đòi hỏi sự đồng thuận, nỗ lực cao của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương. Với truyền thống đoàn kết, tinh thần đổi mới và quyết tâm phát triển, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình tin tưởng sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đã đề ra, tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên và các khu vực./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thiên Bắc

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;
- Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025;
- Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;
- Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;
- Quyết định số 83/QĐ-TTg (13/01/2025): Ban hành kế hoạch chi tiết để triển khai các dự án hạ tầng, trong đó ưu tiên các dự án cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, đô thị và nông thôn.
- Quyết định số 1735/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về thông qua điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

II.1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát:

Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát của Định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 là nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp; bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Trên cơ sở đó, định hướng chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính sau: (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn; (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ; (3) Tối ưu hóa hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy; (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hiện đại hóa hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên môn cao, chuyên nghiệp và gắn bó; (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả việc sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

II.2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Quản lý, vận hành hiệu quả các hệ thống cấp nước để đảm bảo sản xuất cấp nước an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên, đảm bảo tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động khác của công ty, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho Cán bộ công nhân và người lao động.

- Tổ chức, cải tiến không ngừng bộ máy phù hợp với thực tiễn dây chuyền, hoạt động sản xuất và cung cấp nước, thúc đẩy có hiệu quả áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất tại các Nhà máy, mạng lưới cấp nước và các lĩnh vực quản lý khác của Công ty.

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, thu hút tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao vai trò năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, phát huy tốt vai trò của các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị, tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức kỷ luật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống cấp nước ngày càng hiện đại. Đồng thời, tiếp tục sắp xếp, sử dụng lao động hợp lý gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao năng suất lao động; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh đó, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo động lực để người lao động gắn bó và đóng góp lâu dài cho sự phát triển của Công ty.

III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

III.1 Các thông tin chung

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
- Tên tiếng Anh: THAI BINH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Số 2, đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 02273 831632 - Fax : 02273 642015.
- Email: nuocsachthaibinh.jsc@gmail.com,
- Website: www.capnuocthaibinh.com
- Người đại diện theo pháp luật: Ông: Nguyễn Thiên Bắc
- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 98.500.000.000.đ; Trong đó tỷ lệ vốn nhà nước chiếm giữ: 70% vốn ngoài nhà nước tham gia: 30% chủ yếu là các cán bộ công nhân viên công ty.

III.2. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế và giám sát thi công các dự án, công trình cấp thoát nước.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị máy móc chuyên ngành cấp thoát nước.

- Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống các công trình cấp thoát nước.

- Tư vấn đầu thầu xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị công trình cấp thoát nước, mua bán, gia công chế tạo thiết bị, phụ tùng các sản phẩm cơ khí chuyên ngành cấp thoát nước.

III.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân ban đầu của Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình là Nhà máy nước Thị xã Thái Bình trực thuộc Sở xây dựng Thái Bình, thành lập năm 1960 theo Quyết định số 10/QĐ-UB của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Bình với công suất thiết kế $2.400\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Ngày 20/11/1992 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có quyết định chuyển đổi Nhà máy nước thị xã Thái Bình thành Công ty cấp nước Thái Bình, với chức năng nhiệm vụ chính: Khai thác sản xuất nước sạch, thiết kế lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước dân dụng và công nghiệp.

- Năm 1994 Công ty đã lập dự án cải tạo Nhà máy được UBND tỉnh Thái Bình chấp thuận, Chính phủ phê duyệt cho phép thực hiện dự án bằng nguồn vốn vay ODA của Chính Phủ Phần Lan, mở rộng nhà máy lên $30.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ và cải tạo một phần mạng lưới cung cấp nước sạch, đến tháng 01/2004 hoàn thành đưa vào hoạt động.

- Ngày 05/01/2010 UBND tỉnh Thái Bình ban hành quyết định số 02/QĐ-UBND chuyển Công ty cấp nước Thái Bình thành Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình.

- Ngày 05/9/2014 UBND tỉnh Thái Bình có quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình thành Công ty cổ phần. Đến nay Công ty đã thực hiện xong phương án Cổ phần hóa và chuyển tên thành Công ty Cổ phần nước sạch Thái Bình từ tháng 01/2015 và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

III.4. Một số kết quả đạt được

Trong những năm qua Công ty đã không ngừng nỗ lực, đổi mới sáng tạo trong lao động sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được nhiều thành tích nổi bật, quan trọng, cụ thể:

Công ty đã tích cực nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển cấp nước phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố, của tỉnh, từ đó đầu tư mở rộng hệ thống, nâng cao năng lực cấp nước với việc cải tạo, xây dựng mới các nhà máy, các trạm bơm tăng áp, các tuyến ống phân phối, truyền dẫn, đến nay Công ty đã có 11 nhà máy, 2 trạm bơm tăng áp với tổng năng lực sản xuất đạt $101.800\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, cấp nước ổn định cho 100.000 hộ khách hàng với chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, quy chuẩn địa phương.

Công tác chống thất thoát được Công ty chú trọng thông qua việc tăng cường kiểm tra kiểm soát địa bàn, nâng cấp cải tạo thay thế các tuyến ống cũ không đảm bảo cấp nước an toàn.

Hàng năm Công ty đều hoàn thành kế hoạch đề ra, tình hình tài chính lành mạnh, nộp thuế và ngân sách đầy đủ, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước. Đảng bộ công ty nhiều năm liền đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

III.5. Quản lý nhà nước liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh

III.5.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Các cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước trên địa bàn

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước và tài nguyên nước trên địa bàn; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và ủy ban nhân dân các cấp.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường: quản lý chuyên ngành về khai thác tài nguyên, quản lý đất đai; kiểm tra, đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nước nguồn, đề xuất các giải pháp quản lý ô nhiễm nhằm bảo vệ và duy trì chất lượng nguồn nước. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước nông thôn.

- Sở Xây dựng: hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp. Hướng dẫn đơn vị cấp nước lập các dự án cấp nước an toàn, lập các kế hoạch hàng năm và kế hoạch ngắn hạn, dài hạn.

- Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất về công tác đầu tư trong lĩnh vực cấp nước, đề xuất cân đối bố trí nguồn vốn trong việc đầu tư cấp nước an toàn. Tham mưu, đề xuất bố trí vốn, lĩnh vực tài chính hàng năm, thẩm định dự toán kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo cấp nước an toàn.

- Sở Y tế: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chuẩn cấp nước sạch trên toàn Tỉnh.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên (CDC Hưng Yên): Kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, chất lượng nguồn nước.

- Ban quản lý Khu kinh tế: hướng dẫn, tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch về cấp nước trong các khu kinh tế, khu công nghiệp. Đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư, quản lý nguồn nước và hệ thống cấp nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

- UBND xã/phường: phối hợp với các sở, ngành liên quan để thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và giám sát việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn thuộc địa phương quản lý.

b. Các cơ quan quản lý nhà nước về nguồn nước

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về nguồn nước (các sông, kênh mương) và các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân xã/phường: thực hiện việc bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

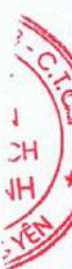
c. Các cơ quan liên quan khác

- Các Công ty khai thác công trình thủy lợi, các cơ quan bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

III.5.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp nước sạch

a. Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý

- Công ty có bộ phận hoá nghiệm trực thuộc phòng Kế hoạch kỹ thuật đạt chuẩn ISO 17025:2017 quản lý chất lượng nước.



- 11/11 nhà máy khai thác sản xuất nước đều đã được Sở Y tế Thái Bình công bố hợp quy, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Công ty kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng - Sở Y tế thực hiện việc giám sát chất lượng sản phẩm nước ăn uống sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01-1: 2024/BYT và quy chuẩn địa phương QCDP 01: 2023/TB.

b. Các tiêu chuẩn về chất lượng nước thô

Quy định hiện hành về tiêu chuẩn nước thô về nguồn nước thô sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt bao gồm:

- Cột A-QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 09:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

c. Chất lượng nước thải được xả vào nguồn nước

Quy định hiện hành về tiêu chuẩn nước thải được xả vào nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt bao gồm:

- QCVN14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 01/9/2025;

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

IV. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH

IV.1. Nguồn nước và các nhà máy nước

IV.1.1. Mô tả chung hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình chủ yếu dựa vào nguồn nước mặt. Hiện có 11 nhà máy xử lý nước, 8 nhà máy xử lý nước mặt, 3 Nhà máy xử lý nước ngầm.

- Nhà máy nước Thành phố: Cấp nước cho các Phường: Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Thái Bình, Vũ Phúc; Nhà máy nước Tiền Hải cấp nước cho xã Tiền Hải, Hưng Phú, Đồng Châu, Ái Quốc; Nhà máy nước Kiến Xương cấp nước cho xã Kiến Xương; Nhà máy nước Vũ Thư cấp nước cho xã Vũ Thư; Nhà máy nước An Bài cấp nước cho xã Quỳnh phụ; Nhà máy nước Hưng Hà cấp nước cho xã Hưng Hà; Nhà máy nước Hưng Nhân cấp nước cho xã Long Hưng; Nhà máy nước Tiên Hưng cấp nước cho xã Tiên Hưng; Nhà máy nước Quỳnh Côi cấp nước cho xã Quỳnh Phụ; Nhà máy nước Nam Trung cấp nước cho xã Hưng Phú.

IV.1.2. Nguồn nước thô

Các nhà máy nước lấy nước từ nguồn nước Sông Hồng, Sông Trà lý, Sông Kiến Giang, Sông Hoá và khai thác nước ngầm

- Nhà máy nước Thành phố lấy nước mặt sông Trà Lý
- Trạm cấp nước Tây Sơn lấy nước mặt sông Trà Lý
- Nhà máy nước Tiền Hải lấy nước mặt sông Kiến Giang
- Nhà máy nước Kiến Xương lấy nước mặt sông Kiến Giang
- Nhà máy nước Vũ Thư lấy nước mặt sông Hồng

- Nhà máy nước An Bài lấy nước mặt sông Hoá
- Nhà máy nước Hưng Nhân lấy nước mặt sông Hồng.
- Nhà máy nước Hưng Hà khai thác từ nguồn nước ngầm.
- Nhà máy nước Tiên Hưng khai thác từ nguồn nước ngầm.
- Nhà máy nước Quỳnh Côi lấy khai thác từ nguồn nước ngầm.
- Nhà máy nước Nam Trung lấy nước mặt sông Kiến Giang

IV.1.3. Hệ thống truyền tải nước thô

- Tuyến ống nước thô D315 Nhà máy nước Vũ Thư có chiều dài 3,8km;
- Tuyến ống nước thô D280 Nhà máy nước Hưng Nhân có chiều dài 2,8km;
- Tuyến ống nước thô D225 Nhà máy nước Nam Trung có chiều dài 2,2km
- Tuyến ống nước thô D160 Trạm cấp nước Tây Sơn có chiều dài 2,0km

IV.1.4. Nhà máy nước

Trong vùng phục vụ, Công ty hiện có 10 nhà máy nước với tổng công suất thiết kế là 100.500m³ /ngày đêm, được kê theo bảng như sau:

Stt	Nhà máy nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Phạm vi cấp nước	Năm xây dựng	Năm cải tạo
1	Thành phố	60.000	Phường Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Vũ Phúc, xã Thư Vũ, xã Vũ Quý, xã Quang Lịch	1960	2021
	Tây Sơn	2.500	Xã Vũ Đông trước đây	2012	2025
2	Tiên Hải	14.000	Xã Tiên Hải, Hưng Phú, Đồng Châu, Ái Quốc	1999	2023
3	Kiến Xương	4.000	Xã Kiến Xương	1999	2022
4	Vũ Thư	5.000	Xã Vũ Thư, Tân Thuận	1999	2025
5	An Bài	1.500	Xã Phụ Dực	2007	
6	Hưng Hà	3.000	Xã Hưng Hà	2007	2023
7	Hưng Nhân	4.000	Xã Long Hưng	2007	2024
8	Tiên Hưng	1.000	Xã Tiên Hưng	2008	
9	Quỳnh Côi	2.500	Xã Quỳnh Phụ	2007	2020
10	Nam Trung	3.000	Xã Hưng Phú	2013	2025
	Tổng:	100.500			

Thời gian vận hành của các nhà máy nước trên là 24h/ngày, công suất vận hành trung bình đạt khoảng 80.000m³/ngày đêm.

IV.2. Hệ thống truyền tải, phân phối, chất lượng sản phẩm và dịch vụ

IV.2.1. Hệ thống trạm tăng áp, ống truyền tải và mạng lưới phân phối

a. Hệ thống trạm tăng áp

Hiện nay, hệ thống cấp nước của Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình có 02 trạm bơm tăng áp đang vận hành:

- Trạm bơm tăng áp Phúc Khánh: tăng áp các cho khu Khu công nghiệp: Phúc Khánh, Đài Tín, Nguyễn Đức Cảnh và một số hộ dân lân cận.

- Trạm bơm tăng áp Vũ Lạc: Tăng áp cho khu vực xã Vũ Lạc, Vũ Sơn, Vũ Đông trước đây.

b. Ống truyền tải và mạng phân phối

- Nước sạch sau khi đã xử lý ở các nhà máy nước được bơm áp lực vào mạng lưới đường ống truyền dẫn, sau đó tới hệ thống đường ống phân phối, đường ống dịch vụ và cuối cùng là các đơn vị, hộ gia đình sử dụng nước.

- Tổng chiều dài đường ống:

Đường ống cấp 1:	76.458m.
------------------	----------

Đường ống cấp 2:	205.026m.
------------------	-----------

Đường ống cấp 3:	372.570 m.
------------------	------------

IV.2.2. Chất lượng nước

Chất lượng nước cấp của Công ty luôn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT và quy chuẩn địa phương QCĐP01:2003/TB của UBND tỉnh Thái Bình trước đây. Độ trong nước phát trung bình đạt 0,3-0,5 NTU (quy chuẩn là 2 NTU); clo dư trung bình đạt 0,4-0,6 mg/l; tất cả các mẫu thử không có vi khuẩn coliform.

IV.2.3. Chất lượng dịch vụ

Cung cấp đầy đủ nước 24/7 cho các nhu cầu trong vùng phục vụ của Công ty với chất lượng và dịch vụ ngày một cải thiện.

Duy trì áp lực cuối nguồn tại các tuyến ống chính đảm bảo tối thiểu 1,0bar (≥ 10 m cột nước).

IV.2.4. Vùng phục vụ, khách hàng và dân số được cấp nước

Hiện nay vùng phục vụ cấp nước của Công ty bao gồm các phường xã theo địa danh hành chính mới gồm:

- Phường Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm; xã Vũ Thư, xã Thư Vũ, xã Tân Thuận, xã Kiến Xương, xã Vũ Quý, xã Quang Lịch, xã Tiền Hải, xã Hưng Phú, xã Đồng Châu, xã Ái Quốc, xã Phụ Dực, xã Quỳnh Phụ, xã Tiên Hưng, xã Hưng Hà, xã Long Hưng;

- Các khu công nghiệp (KCN) Phúc Khánh, KCN Nguyễn Đức Cảnh, KCN Tiền Hải, KCN Cầu Ngàn và các cụm công nghiệp trên địa bàn phục vụ.

Tổng số khách hàng khoảng 100.000 khách hàng, tương đương khoảng 400.000 người được cấp nước.

Trong đó khách hàng dùng nước cho mục đích sinh hoạt chiếm khoảng 90%, còn lại là số khách hàng dùng nước cho sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và sinh hoạt văn phòng.

Diện bao phủ cấp nước như sau :

- Khu vực các phường trung tâm: Tỷ lệ cấp nước 100% số dân; Mức dùng khoảng 130 – 170 l/ng/ngđ.

- Khu vực các xã vùng ven: Tỷ lệ cấp nước 100% số dân; mức dùng khoảng 130 – 160 l/ng/ngđ.

IV.3. Các dự án đã đầu tư những năm qua và đánh giá thực trạng Hệ thống cấp nước.

IV.3.1. Các dự án đã đầu tư những năm qua

TT	Tên dự án	Giai đoạn thực hiện (năm)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Đầu tư lắp đặt hệ thống tự động hoá trạm bơm trong Nhà máy nước Tiên Hải thuộc hệ thống cấp nước thị trấn Tiên Hải	2019	1.600	Vốn khấu hao TSCĐ	
2	Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước truyền dẫn HDPE DN250 đường Chu Văn An – Phan Bá Vành, thành phố Thái Bình thuộc Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Bình		1.900	Vốn khấu hao TSCĐ	
3	Đầu tư nâng công suất nhà máy nước Quỳnh Côi từ 1.000 m ³ /ngày đêm lên 2.500 m ³ /ngày đêm	2020	2.700	Vốn khấu hao TSCĐ	
4	Đầu tư xây dựng tuyến ống phân phối D250 đường Vũ Trọng thuộc hệ thống cấp nước thị trấn Tiên Hải		2.800	Vốn khấu hao TSCĐ	
5	Đầu tư xây dựng bể lọc số 5 công suất 10.000m ³ /ngày đêm nhà máy nước Thành phố	2021	5.300	Vốn khấu hao TSCĐ	
6	Đầu tư xây dựng nhà làm việc, nhà kho và các công trình phụ trợ Xí nghiệp nước Thành phố Thái Bình, Nhà máy nước Vũ Thư		6.200	Vốn khấu hao TSCĐ	
7	Đầu tư xây dựng và lắp đặt cụm thiết bị xử lý nước công suất 9.200 m ³ /ngày đêm nhà máy nước Thành phố.	2022	13.000	Vốn khấu hao TSCĐ	
8	Đầu tư xây dựng công trình nguồn và tuyến ống nước thô	2023	6.600	Vốn khấu hao TSCĐ	

TT	Tên dự án	Giai đoạn thực hiện (năm)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
	nhà máy nước Hưng Nhân (nguồn nước sông Hồng)				
9	Đầu tư cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Hưng Hà từ 1.500 m ³ /ngày đêm lên 3.000 m ³ /ngày đêm		2.500	Vốn khấu hao TSCĐ	
10	Đầu tư cải tạo, nâng công suất cụm bể lắng lọc số 2 nhà máy nước Tiền Hải từ 2.000 m ³ /ngày đêm lên 8.000 m ³ /ngày đêm		5.000	Vốn khấu hao TSCĐ	
11	Đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ khách hàng và giám sát quản lý hệ thống cấp nước	2024	7.500	Vốn khấu hao TSCĐ	
12	Đầu tư nâng công suất nhà máy nước vũ Thư từ 3.000 m ³ /ngày đêm lên 5.000 m ³ /ngày đêm	2025	2.700	Vốn khấu hao TSCĐ	
13	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển và giám sát các nhà máy, trạm cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần nước sạch Thái Bình		8.300	Vốn khấu hao TSCĐ	
14	Đầu tư xây dựng nhà điều hành và phòng dịch vụ khách hàng xí nghiệp nước Tiền Hải.		5.800	Vốn khấu hao TSCĐ	

IV.3.2. Đánh giá thực trạng hệ thống cấp nước Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình.

Nguồn nước thô cơ bản lấy từ nguồn nước mặt từ hệ thống sông Hồng và sông Trà Lý (một số nguồn nước ngầm được khai thác tại Nhà máy nước Hưng Hà, Quỳnh Côi, Tiên Hưng). Lưu lượng và chất lượng nguồn nước thô cơ bản đảm bảo yêu cầu chất lượng, tuy nhiên những năm gần đây với sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm chất thải vào nguồn nước làm gia tăng chất hữu cơ, gây tốn kém cho xử lý, đặc biệt hiện tượng nước nguồn bị nhiễm mặn với công nghệ xử lý nước truyền thống chưa xử lý được. Do vậy việc vận hành, bảo vệ nguồn nước trở nên cấp bách cho đơn vị cấp nước trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Trong những năm qua, mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối nước đã được công ty từng bước đầu tư xây dựng mới và cải tạo trên toàn bộ địa bàn phục vụ. Bên cạnh đó công ty luôn chú trọng đầu tư nâng cấp công suất, hiện đại hóa và tự động hóa

các nhà máy nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn tiếp theo, công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu là tiến tới tự động hóa hoàn toàn quy trình sản xuất nước sạch tại các nhà máy, cũng như việc vận hành các trạm bơm tăng áp. Công ty sẽ ứng dụng công nghệ để giám sát toàn bộ quy trình sản xuất, theo dõi các thông số chất lượng nước và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông trên toàn hệ thống. Điều này sẽ giúp tối ưu hóa công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0.

IV.4. Bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban điều hành của Công ty bao gồm 05 (năm người): Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban điều hành thực hiện điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban điều hành.

Công ty gồm có 07 phòng/ban chức năng, thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo chức năng nhiệm vụ riêng. Gồm có:

- (1). Phòng Tổ chức Hành chính
- (2). Phòng kế hoạch kỹ thuật
- (3) Phòng Tài chính Kế toán
- (4). Phòng Công nghệ Thông tin
- (5). Phòng Quản lý khách hàng I
- (6). Phòng Quản lý khách hàng II.
- (7) Phòng Quản lý mạng lưới & Chống thất thoát

- Công ty có 11 đơn vị/Xí nghiệp:

- (1) Xí nghiệp nước Thành phố

- (2) Xí nghiệp nước Tiên Hải
- (3) Xí nghiệp nước Kiến Xương
- (4) Xí nghiệp nước Vũ Thư
- (5) Xí nghiệp nước An Bài
- (6) Xí nghiệp nước Hưng Hà
- (7) Xí nghiệp nước Hưng Nhân
- (8) Xí nghiệp nước Tiên Hưng
- (9) Xí nghiệp nước Quỳnh Côi
- (10) Xí nghiệp nước Nam Trung
- (11) Xí nghiệp thi công xây lắp

Các phòng, ban, chi nhánh, xí nghiệp có thể tăng, giảm tùy theo yêu cầu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV.5. Các tổ chức chính trị - đoàn thể

IV.5.1. Đảng bộ Công ty

Đảng bộ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy phường Thái Bình. Đảng bộ Công ty gồm có 09 Chi bộ, tổng số đảng viên là 153 đồng chí (chiếm khoảng 50% tổng số cán bộ công nhân viên). Ban chấp hành Đảng bộ Công ty (nhiệm kỳ 2025- 2030) gồm 08 đồng chí; Ban thường vụ 03 đồng chí, 01 Bí thư và 01 Phó Bí.

Đảng ủy Công ty luôn bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Hưng Yên, Đảng ủy UBND phường Thái Bình; tích cực đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động, rút ra những kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng có hiệu quả để đưa Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Liên tục nhiều năm liền Đảng bộ Công ty vinh dự được biểu dương, khen thưởng là Đảng bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”.

Với phương châm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp là mục tiêu, động lực của công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Công ty xác định tiếp tục xây dựng Đảng bộ Công ty và các tổ chức đoàn thể là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên truyền, vận động các thành viên Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo Công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp, các Cổ đông, Người lao động và xây dựng Đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

IV.5.2. Công đoàn Công ty

Công đoàn Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình là Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn UBND tỉnh Hưng Yên. Công đoàn Công ty gồm Công đoàn bộ phận Khối Văn phòng và các Công đoàn bộ phận các đơn vị trực thuộc. Tổng số đoàn viên Công đoàn Công ty là 301 đoàn viên.

Công đoàn Công ty luôn phối hợp tốt với chuyên môn thực hiện tốt các nhiệm vụ như xây dựng Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm từ cấp cơ sở đến cấp Công ty theo quy định, triển khai,

thực hiện Nghị quyết các Hội nghị người lao động của Công đoàn bộ phận và Công đoàn Công ty; động viên cán bộ công nhân viên lao động tập trung thực hiện các phong trào thi đua lập thành tích trong công tác sản xuất kinh doanh; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên lao động, thăm hỏi trợ cấp gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, công nhân mắc bệnh hiểm nghèo; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con cán bộ công nhân viên lao động trong các dịp Tết thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, đồng thời khen thưởng, động viên các cháu thiếu nhi học sinh tiên tiến, học sinh giỏi hàng năm. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty luôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty hăng hái thi đua lao động sản xuất, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, Nghị quyết Công đoàn các cấp, Đảng ủy, chuyên môn Công ty và Thỏa ước lao động tập thể, các Nội quy, Quy chế, Quy định của Công ty; tự giác nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc. Để nâng cao vai trò đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hàng năm các Công đoàn bộ phận đều đăng ký đảm nhiệm các công trình, phần việc tùy theo điều kiện thực tế của từng đơn vị; nhiều năm qua Công đoàn Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình đã đạt nhiều thành tích, nhận nhiều bằng khen của Công đoàn các cấp.

IV.5.3. Đoàn thanh niên Công ty

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình là Đoàn thanh niên cấp cơ sở trực thuộc Đoàn thanh niên UBND tỉnh Hưng Yên. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty luôn phối hợp tốt với chuyên môn, Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ công nhân viên lao động đang trong lứa tuổi thanh niên, định hướng cho đoàn viên thanh niên tích cực tham gia các hoạt động lành mạnh, thắt chặt tình đoàn kết giữa các đoàn viên thanh niên trong Công ty, tạo không khí thi đua sôi nổi trong các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng như trong các phần việc, công trình thanh niên đăng kí đảm nhận; tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ; tổ chức giải cầu lông, kéo co, pickleball... với sự tham gia của tất cả các Chi đoàn trực thuộc. Không chỉ tổ chức các hoạt động nội bộ, Đoàn thanh niên Công ty đã có nhiều hoạt động vì lợi ích cộng đồng như tổ chức chương trình Hiến máu tình nguyện; tổ chức các chương trình thăm hỏi, động viên, tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, hậu quả chất độc hóa học, chất độc màu da cam.

Với những hoạt động mang ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống tinh thần cũng như vì lợi ích cộng đồng, nhiều năm qua Đoàn thanh niên Công ty luôn nhận được sự quan tâm, động viên, khen thưởng của Đoàn cấp trên. Nhiều năm qua, Đoàn thanh niên Công ty luôn đạt danh hiệu Đoàn cơ sở vững mạnh tiêu biểu của tỉnh, nhận được các Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong công tác đoàn, thành tích xuất sắc trong các chiến dịch thanh niên tình nguyện.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh có nhiều biến động và thách thức. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 kéo dài trong các năm 2020-2021 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực cấp nước. Nhiều hoạt động đầu tư, thi công, kiểm soát thất thoát... bị gián

đoạn; nhu cầu sử dụng nước tại các khu vực sản xuất, dịch vụ giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội, tác động trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm 2024 bão Yagi gây mưa lớn, lũ lụt cục bộ ở một số khu vực, ảnh hưởng đến nguồn nước thô, hệ thống khai thác – xử lý nước, một số kết cấu công trình nhà trạm bị bão cuốn, đường ống mạng lưới cấp nước bị vỡ gây phát sinh chi phí sửa chữa và duy tu, đồng thời đòi hỏi Công ty phải tăng cường các biện pháp đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện bất lợi.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực duy trì sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước đạt được các kết quả tích cực, thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định về sản lượng nước sản xuất, nước tiêu thụ cũng như các chỉ tiêu tài chính chủ chốt, đạt được các mục tiêu của chiến lược phát triển 2021-2025. Công ty đã duy trì vận hành hệ thống cấp nước an toàn, liên tục và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trên địa bàn quản lý.

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

TT	Các chỉ tiêu SXKD	ĐVT	Thực hiện giai đoạn 2021-2025				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng số khách hàng	Khách hàng	91.746	93.832	95.605	97.338	99.360
2	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	20,6	20,3	20,9	21,5	22,4
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	164,4	165,1	175,4	179,9	189,2
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,9	33,1	37,5	38,1	41,2
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	19,3	27,1	27,3	27,6	26,1

VI. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026 được xác định là năm có ý nghĩa quan trọng trong lộ trình thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng thực chất, ổn định và phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030. Các chỉ tiêu đặt ra đảm bảo tính khả thi, đồng thời tạo động lực để Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hiệu quả và bền vững trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng và xã hội.

Năm 2026, ngành nước và môi trường trong bối cảnh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức mang tính dài hạn và khó khăn. Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan làm suy giảm chất lượng và độ ổn định của nguồn nước; yêu cầu về an toàn cấp nước, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành ngày càng cao; đồng thời áp lực chuyển đổi số, hiện đại hóa quản trị doanh nghiệp đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn và liên tục.

Bên cạnh đó, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và đô thị xanh - thông minh của thành phố Hưng Yên vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về tính ổn định, an toàn và tính bền vững của hệ thống cấp nước.

VI.1. Đánh giá thực tế và bối cảnh tăng trưởng năm 2026

Trong giai đoạn từ 2015-2025, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình đã tập trung mạnh mẽ cho công tác nâng cấp, phát triển mở rộng hệ thống cấp nước, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế xã hội, cấp nước nông thôn và đảm bảo an toàn cấp nước. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy của Công ty hiện là 106.300m³/ngày. Việc phát triển cấp nước cho khu vực đô thị trung tâm cơ bản đã bao trùm, các Khu cụm công nghiệp cũng đã lấp đầy tương đối; Việc mở rộng hệ thống cấp nước ra các khu vực lân cận và khu vực nông thôn gặp nhiều hạn chế do quy định phân vùng cấp nước.

Năm 2026, không có các điều kiện thuận lợi, dự báo gặp không ít những khó khăn nhất định: giá nước ổn định chưa có sự điều chỉnh; các giải pháp tối ưu kỹ thuật đã đạt ngưỡng tới hạn; trong khi chi phí đầu vào, nhu cầu đầu tư duy tu, bảo dưỡng và chuyển đổi số tiếp tục gia tăng. Đồng thời, các bất ổn, biến động kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại, chiến sự tại các khu vực Trung Đông, Nga- Ucraina,... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, thương mại của nhóm khách hàng công nghiệp.

Do vậy, mức tăng trưởng khoảng 4,1% đối với sản lượng nước tiêu thụ năm 2026 được xác định là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đồng thời duy trì ổn định và an toàn hệ thống cấp nước.

VI.2. Các chỉ tiêu dự kiến xây dựng

Căn cứ trên Kế hoạch SXKD năm 2026 đã được lập, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Sản lượng nước thương phẩm đạt: 23,35 triệu m³, tăng so với năm 2025 là 4,1%;
- Tổng doanh thu và thu nhập khác ước đạt 201,0 tỷ đồng, tăng so với năm 2025 là 6,2%.

+ Về chỉ tiêu doanh thu và thu nhập khác:

Dự kiến tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2026 là 201,0 tỷ đồng, tăng khoảng 11,27 tỷ đồng so với thực hiện năm 2025. Trong đó Doanh thu nước sạch dự kiến là 190,2 tỷ đồng, tăng 9,97 tỷ đồng; doanh thu khác là 10,8 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận: Để đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, người lao động và giúp cho Công ty duy trì, phát triển, Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2026 là 42,0 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu ROE: phấn đấu tăng cường nâng cao tỷ suất lên dự kiến $\geq 19\%$.

+ Về chỉ tiêu cổ tức: Để đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty, cổ đông và người lao động, tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ năm 2026 là $\geq 10,0\%$.

VII. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026-2030

VII.1. Mục tiêu, định hướng giai đoạn 2026-2030

Mục tiêu giai đoạn 2026–2030 là nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh; từng bước tái cơ cấu và tinh gọn bộ máy; đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số, tự động hoá, cách mạng công nghiệp 4.0, trí thông minh nhân

tạo AI trong công tác quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh; lấy khách hàng làm trung tâm, hài hoà lợi ích giữa khách hàng, cổ đông, doanh nghiệp và nhà nước.

Giai đoạn 2026–2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế số, đô thị thông minh và biến đổi khí hậu đang đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, công nghệ và nguồn lực. Việc xây dựng Định hướng phát triển giai đoạn 2026–2030 nhằm xác định rõ mục tiêu, ưu tiên phát triển, lộ trình hành động và các giải pháp tổng thể, toàn diện, làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức bộ máy trong những năm tới.

Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 này được xây dựng dựa trên tổng hợp phân tích về thực trạng nội tại của Công ty, quy hoạch phát triển của tỉnh Hưng Yên, các yêu cầu về pháp lý, định hướng của Chính phủ và các bộ ngành, cùng với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn. Từ đó, hoạch định rõ chiến lược phát triển đồng bộ trên các trụ cột: hiện đại hóa công nghệ, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến quản trị, tối ưu tài chính và mở rộng vùng phục vụ.

Chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính:

- (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn;
- (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ;
- (3) Tối ưu hóa hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy;
- (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, hiện đại hóa hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp và gắn bó;
- (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả việc sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

VII.2. Căn cứ lập, tính toán chỉ tiêu Định hướng Chiến lược giai đoạn 2026-2030

VII.2.1. Căn cứ vào các Quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành

a. Theo quyết định số 1735 QĐ/TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong đó, công suất các nhà máy của Công ty như sau:

Stt	Tên nhà máy	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Công suất thực tế (m ³ /ngày đêm)	Công suất dự kiến đến năm 2030 (m ³ /ngày đêm)
1	NMN Thành phố Thái Bình	Nước mặt	60.000	45.000	70.000
	NMN Tây Sơn	Nước mặt	2.500	2.000	10.000
2	NMN Tiền Hải	Nước mặt	14.000	14.000	50.000
3	NMN Kiến Xương	Nước mặt	4.000	2.400	7.000

Stt	Tên nhà máy	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Công suất thực tế (m ³ /ngày đêm)	Công suất dự kiến đến năm 2030 (m ³ /ngày đêm)
4	NMN Vũ Thư	Nước mặt	5.000	4.000	30.000
5	NMN An Bài	Nước mặt Sông Hóa	1.500	2.500	15.000
6	NMN Hưng Hà	Nước ngầm	3.000	2.300	10.500
7	NMN Hưng Nhân	Nước mặt sông Hồng	4.000	2.000	10.000
8	NMN Tiên Hưng	Nước ngầm	1.000	1.300	2.500
9	NMN Quỳnh Côi	Nước ngầm	2.500	2.200	14.500
10	NMN Nam Trung	Nước mặt	3.000	1.700	3.500
	Tổng cộng		100.500	79.400	223.000

b. Theo phương án do Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên kiểm tra, rà soát ngày 02/10/2025 để bổ sung điều chỉnh quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn 2050.

Công suất các nhà máy của Công ty như sau:

Stt	Tên nhà máy	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Giai đoạn 2025-2030 (m ³ /ngày đêm)	Tầm nhìn 2050 (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước nâng công suất
1	NMN Thành phố Thái Bình	60.000	70.000	200.000	Nước mặt sông Trà Lý
	NMN Tây Sơn	2.500	10.000	50.000	Nước mặt sông Trà Lý
2	NMN Tiền Hải	14.000	30.000	60.000	Nước mặt sông Trà Lý
3	NMN Kiến Xương	4.000	10.000	20.000	Nước mặt sông Trà Lý
4	NMN Vũ Thư	5.000	15.000	30.000	Nước mặt sông Hồng
5	NMN An Bài	1.500	15.000	30.000	Nước mặt sông Hoá
6	NMN Hưng Hà	3.000	10.000	20.000	Nước mặt sông Luộc
7	NMN Hưng Nhân	4.000	10.000	20.000	Nước mặt sông Hồng
8	NMN Tiên Hưng	1.000	3.000	10.000	Nước mặt và nước ngầm
9	NMN Quỳnh Côi	2.500	10.000	15.000	Nước mặt và nước ngầm

Stt	Tên nhà máy	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Giai đoạn 2025-2030 (m ³ /ngày đêm)	Tầm nhìn 2050 (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước nâng công suất
10	NMN Nam Trung	3.000	5.000	10.000	Nước mặt sông Lân
	Tổng cộng	100.500	188.000	465.000	

c. Phương án phát triển của Công ty

Căn cứ quy mô dân số: Theo dữ liệu của Cục thống kê - Bộ Tài chính, tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số khu vực tỉnh Thái Bình trước đây như sau:

Năm	2020	2021	2022	2023	2024	Trung bình
Tỷ lệ tăng tự nhiên ‰	6,58	8,63	3,11	5,26	4,66	5,648

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm tính toán nhu cầu dùng nước cho các dự án có điều kiện tương tự, mức tăng dân số phù hợp là 2%/năm. Như vậy dân số trong vùng phục vụ dự kiến như sau:

tt	Tên nhà máy/Khu vực	Số hộ	Số dân		
			Năm 2025	Năm 2030	Năm 2050
1	NMN Thành phố Thái Bình	55.984	279.920	309.054	459.238
2	NMN Tiền Hải	15.229	76.145	84.070	124.924
3	NMN Kiến Xương	4.920	24.600	27.160	40.359
4	NMN Vũ Thư	5.257	26.285	29.021	43.123
5	NMN An Bài	3.105	15.525	17.141	25.470
6	NMN Hưng Hà	3.416	17.080	18.858	28.022
7	NMN Hưng Nhân	4.173	20.865	23.037	34.231
8	NMN Tiên Hưng	2.461	12.305	13.586	20.188
9	NMN Quỳnh Côi	2.232	11.160	12.322	18.309
10	NMN Nam Trung	3.065	15.325	16.920	25.142
	Tổng cộng	99.842	499.210	551.168	819.007

Nhu cầu dùng nước được tính toán trên cơ sở dân số khu vực được cấp nước và tính đến nhu cầu của các dịch vụ khác, tiêu chuẩn dùng nước tuân thủ theo: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN 13606:2023 “Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế”.

Tỷ lệ dân số trong vùng phục vụ được cấp nước là 100%.

Tiêu chuẩn dùng nước giai đoạn 2030 là 130 lít/người/ngày, giai đoạn 2050 là 140 lít/người/ngày

Tỷ lệ nước phi sinh hoạt là 20%.

Tỷ lệ nước thất thoát là 15% cho cả giai đoạn đến năm 2050.

Lượng nước dùng cho bản thân nhà máy là 5%.

Hệ số $K_{\text{ngày-max}}=1,4$ (tính đến lượng nước tăng đột biến trong các ngày nắng nóng hoặc các dịp nghỉ lễ, Tết nhu cầu sử dụng tăng đột biến).

Dự báo nhu cầu dùng nước như sau:

tt	Tên nhà máy/Khu vực	Năm 2030			Năm 2050		
		Trung bình ngày (m ³ /ngày đêm)	Ngày dùng lớn nhất (m ³ /ngày đêm)	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)	Trung bình ngày (m ³ /ngày đêm)	Ngày dùng lớn nhất (m ³ /ngày đêm)	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)
1	NMN Thành phố Thái Bình	57.855	80.997	81.000	92.582	129.615	130.000
2	NMN Tiền Hải	15.738	22.033	22.000	25.185	35.259	35.200
3	NMN Kiến Xương	5.084	7.118	7.200	8.136	11.391	11.500
4	NMN Vũ Thư	5.433	7.606	7.600	8.694	12.171	12.000
5	NMN An Bài	3.209	4.492	4.500	5.135	7.189	7.000
6	NMN Hưng Hà	3.530	4.942	5.000	5.649	7.909	8.000
7	NMN Hưng Nhân	4.312	6.037	6.000	6.901	9.661	10.000
8	NMN Tiên Hưng	2.543	3.561	3.500	4.070	5.698	6.000
9	NMN Quỳnh Côi	2.307	3.229	3.300	3.691	5.168	5.000
10	NMN Nam Trung	3.167	4.434	4.500	5.069	7.096	7.000
	Tổng cộng	103.179	144.450	144.600	165.112	231.157	231.700

Tổng nhu cầu sử dụng nước trong vùng phục vụ dự kiến vào năm 2030: Trung bình ngày: 103.179 m³; ngày dùng lớn nhất: 144.450 m³. Vào năm 2050: ngày dùng trung bình: 165.112 m³; ngày dùng nước lớn nhất: 231.157 m³.

Tuy nhiên, do đặc thù phát triển ngành nước, công suất thực tế sử dụng thường không đạt hết công suất thiết kế. Đồng thời căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội tại một số địa phương, đặc biệt là ở những nơi có các khu, cụm công nghiệp phát triển (như Tiền Hải, An Bài, Hưng Nhân...v.v). Công ty dự kiến quy mô Nhà máy giai đoạn 2025-2030, định hướng năm 2050 như sau:

Stt	Tên nhà máy	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Giai đoạn 2025-2030 (m ³ /ngày đêm)	Tầm nhìn 2050 (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước nâng công suất
1	NMN Thành phố Thái Bình	60.000	70.000	130.000	Nước mặt sông Trà Lý
	NMN Tây Sơn	2.500	10.000	50.000	Nước mặt sông Trà Lý
2	NMN Tiền Hải	14.000	24.000	50.000	Nước mặt sông Trà Lý
3	NMN Kiến Xương	4.000	7.000	10.000	Nước mặt sông Trà Lý
4	NMN Vũ Thư	5.000	8.000	12.000	Nước mặt sông Hồng
5	NMN An Bài	1.500	6.500	15.000	Nước mặt sông Hoá
6	NMN Hưng Hà	3.000	5.000	10.000	Nước mặt sông Luộc
7	NMN Hưng Nhân	4.000	7.000	12.000	Nước mặt sông Hồng
8	NMN Tiên Hưng	1.000	2.500	5.000	Nước mặt và nước ngầm
9	NMN Quỳnh Côi	2.500	3.500	5.000	Nước mặt và nước ngầm
10	NMN Nam Trung	3.000	4.500	7.000	Nước mặt sông Lân
	Tổng cộng	100.500	148.000	306.000	

Như vậy, trong giai đoạn 2026-2030 Công ty cần tiếp tục đầu tư nâng công suất của các nhà máy tăng thêm 47.500m³/ngày đêm để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước.

d. Đánh giá về việc tăng trưởng dân số và nhu cầu sử dụng nước thực tế so với các Quy hoạch cấp nước tỉnh Thái Bình.

Căn cứ các quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước và quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh Thái Bình (cũ), nhu cầu sử dụng nước trong dài hạn được dự báo tăng tương đối cao, gắn với tốc độ gia tăng dân số, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, thực tế giai đoạn 2020–2025 cho thấy tốc độ tăng dân số và nhu cầu sử dụng nước thấp hơn so với các dự báo trong quy hoạch. Mặc dù GRDP của tỉnh Thái Bình trước đây tăng trưởng mạnh, đạt khoảng 8,1% năm, song sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ của Công ty chỉ tăng trung bình khoảng 3-4%/năm. Nguyên nhân chủ yếu do cơ cấu sử dụng nước vẫn phụ thuộc lớn vào nhu cầu sinh hoạt dân cư (chiếm khoảng 80% tổng sản lượng tiêu thụ), trong khi tốc độ tăng dân số giai đoạn 2020–2025 chỉ khoảng 5,64%/năm, năm 2021 cao nhất là 8,63%, thấp hơn rất nhiều so với các kịch bản dự báo trong quy hoạch.

Trong thời gian tới, xu hướng tăng trưởng nhu cầu sử dụng nước tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào tốc độ tăng dân số, và một phần vào tốc độ đô thị hóa, tăng trưởng Công nghiệp – Sản xuất và tình hình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Đồng thời, các biến

động của kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại và các xung đột khu vực (Trung Đông, Nga – Ukraina...) có thể ảnh hưởng sâu và rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó tác động gián tiếp đến nhu cầu sử dụng nước.

VII.2.2. Căn cứ thực tế kết quả Sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

Trong giai đoạn 2021–2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh có nhiều biến động và thách thức. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 kéo dài trong các năm 2020–2021 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực cấp nước. Nhiều hoạt động đầu tư, thi công, kiểm soát thất thoát... bị gián đoạn; nhu cầu sử dụng nước tại các khu vực sản xuất, dịch vụ giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội, tác động trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm 2024 bão Yagi gây mưa lớn, lũ lụt cục bộ ở một số khu vực, ảnh hưởng đến nguồn nước thô, hệ thống khai thác – xử lý nước, một số kết cấu công trình nhà trạm bị bão cuốn, đường ống mạng lưới cấp nước bị vỡ gây phát sinh chi phí sửa chữa và duy tu, đồng thời đòi hỏi Công ty phải tăng cường các biện pháp đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện bất lợi.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực duy trì sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước đạt được các kết quả tích cực thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định về sản lượng nước sản xuất, nước tiêu thụ cũng như các chỉ tiêu tài chính chủ chốt. Công ty đã duy trì vận hành hệ thống cấp nước an toàn, liên tục và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trên địa bàn quản lý.

Các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh thực hiện giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại phần V.

VII.2.3. Dự kiến phát triển khách hàng, sản lượng, doanh thu giai đoạn 2026- 2030

VII.2.3.1. Công tác phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030

Việc xây dựng kế hoạch phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030 căn cứ vào sự gia tăng số lượng khách hàng tự nhiên trung bình từ năm 2021-2025 và thực tế tình hình, khả năng phát triển khách hàng của Công ty trong giai đoạn 2026-2030. Đặc biệt là quy định phân vùng cấp nước của tỉnh nên Công ty không có khả năng mở rộng địa bàn cấp nước. Với bối cảnh hiện tại, dự kiến tỷ lệ Tổng số đầu nối (khách hàng) của Công ty cũng chỉ tăng trưởng tối đa năm 2026 là 3%, giai đoạn 2027-2030 là khoảng 3-5% năm:

TT	Hình thức	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Số đầu nối phát triển	Đầu nối	3.000	5.000	4.000	6.000	5.500
2	Tổng số khách hàng	Khách hàng	102.842	107.842	111.842	117.842	123.342
3	Tỷ lệ tăng trưởng	%	3,0%	4,9%	3,7%	5,4%	4,7%

VII.2.3.2. Tỷ lệ tăng trưởng nhu cầu dùng nước tiêu thụ, nước sản xuất

Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, khu vực tỉnh Thái Bình trước đây có sự tăng trưởng phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ, tỷ lệ tăng trưởng GRDP luôn đạt trên 8%. Trong giai đoạn này việc phát triển cấp nước cho khu vực đô thị đã bao trùm khắp, các khu cụm công nghiệp lớn đã xây dựng cũng đã lấp đầy tương đối. Công ty cũng đã tập trung phát triển mạnh mẽ, mở rộng hệ thống cấp nước ra các khu vực lân cận và khu vực nông thôn theo chỉ đạo của tỉnh, góp phần nâng cấp, đảm bảo cơ sở hạ tầng cấp nước phục vụ việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân. Giai đoạn 2026-2030 dự kiến Công ty sẽ rất khó khăn trong việc phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng tập trung.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2026-2030, trên cơ sở đánh giá toàn diện các yếu tố khách quan và nội tại nêu trên, việc xây dựng kế hoạch phân đầu tăng trưởng nước tiêu thụ ở mức khoảng 4÷5% được xem là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo tính khả thi thực hiện, an toàn tài chính và phát triển bền vững.

VII.2.3.3. Tăng trưởng doanh thu/doanh thu SXKD nước sạch

Dự kiến giai đoạn 2026-2030, Công ty sẽ hoàn thành dự án chuyển nguồn nước cho nhà máy nước Tiên Hải, Kiến Xương nên sẽ phải điều chỉnh giá nước, do đó dự kiến giá nước bình quân sẽ tăng lên từ tháng 7/2029.

Doanh thu nước sạch sẽ tăng trưởng tương ứng với tăng trưởng lượng nước tiêu thụ. Về Tổng doanh thu và thu nhập khác, Công ty là doanh nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt với mục tiêu chính là tập trung đảm bảo công tác cấp nước an toàn, ổn định phục vụ dân sinh và hỗ trợ việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, do đó Doanh thu của Công ty vẫn dựa chủ yếu trên doanh thu nước sạch với tỷ lệ đến trên 95%.

Với việc đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển rất mạnh mẽ trong giai đoạn trước, các chỉ tiêu doanh thu, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đã đạt ở mức rất cao so sánh tương quan với các Công ty cấp nước trong nước và trong khu vực. Do đó, tỷ lệ tăng trưởng tổng doanh thu và thu nhập khác giai đoạn 2026-2030 sẽ trung bình đạt trong khoảng 9,8%.

VII.2.3.4. Tỷ lệ lợi nhuận/ lợi nhuận trước thuế tỷ lệ chia cổ tức

Lợi nhuận trước thuế phản ánh hiệu quả quản lý chi phí, tổ chức sản xuất và năng suất lao động. Mặc dù giá nước ổn định, dự kiến trong giai đoạn 2026-2030, chi phí đầu vào có xu hướng tăng, nhưng nhờ ứng dụng công nghệ, tự động hóa và tái cấu trúc tổ chức, Công ty đặt mục tiêu vẫn duy trì tăng trưởng lợi nhuận. Lợi nhuận tăng cũng là điều kiện cần thiết để đảm bảo kế hoạch đầu tư mở rộng và duy trì khả năng chia cổ tức ở mức ổn định. Đối với lợi nhuận trước thuế là cơ sở xác định mức chia cổ tức cho cổ đông hàng năm. Việc kiểm soát hiệu quả chi phí thuế, khấu hao tài sản và chi phí tài chính đóng vai trò quan trọng để đạt được mục tiêu đề ra.

VII.3. Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 các lĩnh vực

VII.3.1. Định hướng chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2026-2030

Đối với việc xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030, với đặc thù ngành nước sạch là dịch vụ công ích thiết yếu, giá bán do Nhà nước quản lý, nhu cầu tiêu dùng ổn định và dư địa tăng trưởng tự nhiên thấp, khó có sự tăng trưởng

cao, việc xây dựng xem xét theo nguyên tắc: Bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; duy trì hiệu quả hoạt động và phù hợp với đặc thù ngành nước, phản ánh đúng khả năng tăng trưởng tự nhiên và tính khả thi trong tổ chức thực hiện

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước từ quy hoạch, đầu tư hạ tầng đến giá bán lẻ. Nhu cầu sử dụng nước không mang tính co giãn theo thu nhập và khó có thể thúc đẩy tiêu dùng bằng các biện pháp thương mại. Hiện nay địa bàn cấp nước của Công ty đã cơ bản ổn định, tỷ lệ hộ dân được cấp nước đạt gần như toàn bộ khu vực quản lý. Dự địa tăng trưởng theo chiều rộng là không có. Đồng thời, xu hướng sử dụng nước tiết kiệm của người dân và doanh nghiệp cũng làm thu hẹp khả năng tăng trưởng theo chiều sâu.

Bên cạnh đó, chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất – kinh doanh nước sạch như điện năng, hóa chất xử lý nước, vật tư sửa chữa, chi phí nhân công và bảo dưỡng hệ thống đều có xu hướng gia tăng theo mặt bằng giá chung của nền kinh tế, tạo áp lực đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Định hướng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 dự kiến như sau:

Bảng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030

TT	Các chỉ tiêu SXKD	ĐVT	Định hướng chiến lược 2026-2030				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Sản lượng nước thương phẩm	1000m ³	23.350	25.000	26.700	28.400	30.100
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	201,0	213,0	226,0	250,0	300,0
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,0	43,0	44	44	45
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	27,4	27,4	27,9	28,5	29,0

VII.3.2. Định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp

- **Quản trị doanh nghiệp:** Tiếp tục duy trì mô hình công ty cổ phần, nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối. Quản trị doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế quản trị và các quy chế khác của Công ty.

- **Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông quảng bá doanh nghiệp:** Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm.

- **Hợp tác, liên doanh, liên kết:** Duy trì, phát triển với các đối tác trong nước và quốc tế đã có từ nhiều năm nay, đồng thời tăng cường tìm kiếm các đối tác mới trong hợp tác đào tạo, tiếp thu công nghệ, sản xuất kinh doanh.

- **Huy động các nguồn lực:** Tăng cường duy trì quan hệ với các tổ chức tài chính, các công ty đối tác để tranh thủ nguồn vay lãi suất thấp phục vụ cho đầu tư phát triển doanh nghiệp.

- **Chiến lược về khoa học công nghệ:** Chọn lọc, tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới trong công nghệ xử lý, vận hành nhà máy, phân tích, đo lường, truyền dẫn theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa từng bước phù hợp với nguồn lực của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

- **Đào tạo phát triển nguồn nhân lực:** Nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của doanh nghiệp. Nhân sự bao gồm cấp lãnh đạo, cấp quản lý, các vị trí làm việc trong doanh nghiệp. Việc đào tạo phát triển thông qua các chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài, với các trường đại học, trường đào tạo nghề và đào tạo tại chỗ là công việc hàng năm của Công ty.

VII.3.3. Định hướng chiến lược phát triển khách hàng

Khách hàng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu cho doanh nghiệp. Việc phát triển khách hàng tập trung theo chiến lược phát triển mở rộng hệ thống cấp nước của Công ty và theo chỉ đạo của tỉnh.

Công ty thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác bền chặt với khách hàng trên cơ sở đáp ứng và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước với các tiêu chí: thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, cung cấp dịch vụ với chất lượng cao, tạo niềm tin cho khách hàng. Không ngừng nâng cao dịch vụ cung cấp nước sạch cho khách hàng ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu cả nước; nâng cao chất lượng nước, áp lực nước cấp, dịch vụ chăm sóc khách hàng, phát triển các dịch vụ hỗ trợ khách hàng...

VII.3.4. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh chung

Đảm bảo cấp nước an toàn thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện các biện pháp chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn,... Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước, phối hợp cùng việc vận hành hệ thống thủy lợi, giảm thiểu ô nhiễm, xâm nhập mặn nguồn nước; tăng cường các hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền về thói quen sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Đảm bảo công suất cấp nước đáp ứng yêu cầu tăng trưởng về nhu cầu sử dụng nước của dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu Công ty.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, chống thất thu thất thoát, phân đầu giảm tỷ lệ nước không doanh thu.

- Đẩy mạnh công tác Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hoá trong quản lý sản xuất và vận hành Hệ thống cấp nước, nâng cao công tác quan trắc, giám sát nguồn nước, chất lượng nước.

- Tăng cường nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, nghiên cứu công nghệ xử lý nhằm ứng phó trước tình trạng chất lượng nước nguồn ngày càng bị ô nhiễm.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý, kỹ thuật và vận hành công trình cấp nước.

VII.3.5. Định hướng Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước giai đoạn 2026-2030

Chiến lược đầu tư được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển hệ thống cấp nước theo các giai đoạn, trong đó một số định hướng như sau:

- ❖ Nghiên cứu cải tạo, nâng công suất hệ thống cấp nước đảm bảo công suất cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá của địa phương, ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã.
- ❖ Tăng cường khai thác nguồn nước mặt, chuyển đổi nguồn nước thô sông nội đồng sang sử dụng nguồn nước các sông lớn, đến năm 2030 giảm dần khai thác nguồn nước ngầm.
- ❖ Nghiên cứu triển khai đẩy mạnh công tác phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu cụm công nghiệp, các khu đô thị, khu vực nông thôn...v.v.
- ❖ Đảm bảo cấp nước an toàn thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai, tăng cường đảm bảo cấp nước phòng cháy chữa cháy, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy.
- ❖ Từng bước hiện đại hoá, tự động hoá các công đoạn trong quy trình sản xuất; lắp đặt thiết bị kiểm tra, giám sát chất lượng theo quy định của Luật Tài nguyên nước, thiết bị điều khiển trên mạng lưới đường ống, số hoá mạng lưới đường ống và dữ liệu khách hàng.

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo phát triển các khu đô thị, các khu kinh tế, công nghiệp không ngừng mở rộng. Các chương trình chính sách phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới đang được triển khai tập trung và đẩy nhanh tốc độ. Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thì cần thiết phải tiếp tục đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, nâng công suất, bổ sung các nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, lắp đặt các tuyến ống cấp nước truyền tải, liên thông đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Đồng thời để kịp thời đáp ứng nhu cầu nước sạch cho nhân dân tại các khu vực nông thôn. Theo chỉ đạo và phương án cấp nước của tỉnh, Công ty tiếp tục định hướng, lập kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước ra các khu vực nông thôn khi có đủ cơ sở pháp lý. Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực nông thôn sẽ đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và chính quyền địa phương về cung cấp nước sạch và cũng là hoạt động đầu tư mở rộng vùng phục vụ, tạo nguồn tăng doanh thu kinh doanh nước sạch lâu dài cho công ty.

Do đó, Công ty đã nghiên cứu phương án, lập kế hoạch từng bước triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước, mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng, đảm bảo cấp nước an toàn ổn định, kịp thời cho nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, phù hợp theo quy hoạch cấp nước. Tổng nguồn vốn đầu tư dự kiến cho giai đoạn năm 2026-2030 là khoảng 391,1 tỷ đồng; trong đó dự kiến giải ngân năm 2026 là khoảng 57,5 tỷ. Nguồn vốn thực hiện dự án bao gồm nguồn vốn tự có của công ty và vốn vay ngân hàng.

Thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và việc quyết định các dự án thành phần theo tổng mức đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị khi có đầy

đủ điều kiện và cơ sở pháp lý. Quy mô các dự án cụ thể căn cứ theo nhu cầu cấp nước của từng khu vực, khách hàng nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch đầy đủ, chất lượng đảm bảo theo quy định trong giai đoạn hiện tại và tính đến nhu cầu phát triển tương lai. Các dự án thành phần khi triển khai sẽ được thực hiện đúng quy định, đầy đủ cơ sở pháp lý và theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn vốn của Công ty, vốn vay thương mại, quỹ đầu tư phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 kèm theo).

VIII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

VIII.1 Tăng cường quản trị doanh nghiệp

VIII.1.1. Tăng cường quản trị chiến lược

- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ các quy trình hoạt động của Công ty. Luôn chú trọng quản lý chặt chẽ các nguồn vốn của Công ty, nhằm hoàn thiện doanh nghiệp theo mô hình công ty cổ phần.

- Duy trì lập báo cáo giao ban hàng tháng, hàng quý và hàng năm theo các lĩnh vực, đối chiếu với các chỉ tiêu kế hoạch và cùng kỳ năm trước làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của từng khu vực và toàn Công ty.

- Duy trì lập Kế hoạch công tác năm, lấy bản Chiến lược phát triển làm cơ sở để thành lập các Kế hoạch công tác dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Thường xuyên đối chiếu tình hình thực tế tại Công ty với bản Chiến lược phát triển và các Kế hoạch công tác để đưa ra quyết định quản trị.

VIII.1.2. Hiện đại hóa hệ thống giám sát và quản lý chất lượng nước

- Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới thường xuyên, xử lý kịp thời các trường hợp nước trên mạng lưới bị ô nhiễm.

- Thường xuyên theo dõi kết quả phân tích chất lượng nước thô nhằm phát hiện biến động về chất lượng nước, lập tức đề ra biện pháp khắc phục, xác định chủng loại và định lượng hóa chất phù hợp để áp dụng vào sản xuất.

- Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo chất lượng nước trên mạng lưới và tại các trạm bơm, nhà máy.

- Kiểm soát chặt chẽ các hóa chất nhập đầu vào, đảm bảo các hóa chất sử dụng để xử lý nước có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn.

- Báo cáo chất lượng nước hàng ngày với Ban Lãnh đạo Công ty.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm soát chất lượng nước theo quy chuẩn quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT và quy chuẩn địa phương QCDP 01:2023/TB.

Tham gia các chương trình nghiên cứu thử nghiệm, cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kiểm tra, phân tích chất lượng nước và phục vụ sản xuất.

Kiến nghị với các cơ quan chức năng khi phát hiện tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước thô nhằm xử lý và khắc phục kịp thời.

VIII.1.3. Tối ưu hóa quản lý và điều hành sản xuất

Theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động của các nhà máy hiện có, duy trì công suất hoạt động của các nhà máy. Sửa chữa khắc phục kịp thời các vấn đề phát sinh, sự cố.

Đầu tư nâng cấp công suất các nhà máy hiện có, chú trọng đầu tư nâng cấp, xây mới các nhà máy tại các khu vực có nhiều tiềm năng phát triển nhu cầu sử dụng nước, đồng thời phục vụ việc đảm bảo cơ sở hạ tầng cấp nước, góp phần thu hút đầu tư, phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Thường xuyên nâng cấp, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong dây chuyền công nghệ xử lý nước. Tăng cường hiệu quả trong công tác sản xuất nước tại các nhà máy.

VIII.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tài chính

Để thực hiện quản lý tài chính hiệu quả, góp phần vào thực hiện Chiến lược phát triển doanh nghiệp cần chú trọng đến một số giải pháp sau:

a. Phân bổ và sử dụng hiệu quả vốn hiện có

Phân bổ và sử dụng hiệu quả số vốn hiện có, kiểm soát chặt chẽ mọi khoản thu chi vừa đảm bảo trang trải đầy đủ, kịp thời vừa tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh giúp gia tăng lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Mọi hoạt động kinh tế tài chính của Công ty cần phải tuân thủ và thực hiện theo đúng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng. Có thể áp dụng một số biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá sản phẩm như sau:

- Đối với chi phí nguyên nhiên vật liệu:

+ Tiến hành xây dựng các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh. Mức lương các đơn vị được hưởng hàng tháng sẽ tỷ lệ thuận với tỷ lệ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu thực tế của đơn vị. Như vậy nếu mức tiêu hao thực tế nguyên nhiên vật liệu của đơn vị nhỏ hơn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu Công ty đề ra thì mức lương đơn vị được hưởng sẽ tăng lên và ngược lại.

+ Để tiết kiệm nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước, Công ty cần có các biện pháp để nâng cao chất lượng nước đầu vào như: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến một cách rộng rãi tới mọi cá nhân, tổ chức để nhận thức được việc bảo vệ nguồn nước là việc cần thiết và vô cùng cấp bách, bởi nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người. Song song với việc tuyên truyền, Công ty cần phối kết hợp chặt chẽ với các Công ty thủy lợi và đơn vị chức năng theo dõi, giám sát để có các biện pháp ngăn chặn kịp thời việc xả thải trái phép. Bên cạnh đó, tăng cường lấy mẫu nước nguồn theo giờ, thời điểm nào chất lượng nước tốt nhất thì tăng cường xử lý để tiết kiệm hóa chất.

- Đối với chi phí tiền lương:

+ Cần bố trí, phân công lao động một cách hợp lý để phát huy được hết năng lực của người lao động, tránh lãng phí nguồn lực sản xuất kinh doanh giúp nâng cao năng suất lao động. Công ty cần bố trí và tuyển dụng lao động đúng ngành đúng nghề, trình độ năng lực phù hợp với công việc.

+ Có chính sách khuyến khích người lao động nghiên cứu, xây dựng các sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong sản xuất kinh doanh như hỗ trợ kinh phí và thời gian nghiên cứu khoa học.

- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tiết giảm chi phí.

- Áp dụng các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát để giảm tình trạng thất thoát nước giúp giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

b. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ

Ngày càng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hướng mọi sự kiểm soát vào việc phát hiện, ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của các rủi ro tài chính. Công ty cũng cần thường xuyên cập nhật cũng như nghiên cứu để tuân thủ và vận dụng các chế độ chính sách của nhà nước vừa đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật vừa mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.

c. Nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực kinh tế tài chính

Với nền kinh tế thị trường ngày một phát triển, đòi hỏi cán bộ công nhân viên cũng phải nâng cao trình độ để đáp ứng với nhu cầu ngày một tăng lên. Để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính, Công ty có thể thực hiện một số biện pháp sau:

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính chuyên sâu, các lớp cập nhật về các kiến thức mới, các chính sách thay đổi.
- Khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên tự học thêm chuyên môn, ngoại ngữ, tin học,...
- Tuyển chọn nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng được yêu cầu công việc.
- Xây dựng quy chế lương thưởng thích hợp, tạo cơ hội thăng tiến trong công việc và môi trường làm việc thuận tiện để khuyến khích người lao động phát huy khả năng sáng tạo, cống hiến cho sự phát triển của Công ty.

VIII.1.5. Tăng cường quản lý tài sản

a. Quy chế quản lý tài sản

Công ty xây dựng, ban hành và đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài sản theo nguyên tắc:

- Đối với tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình gồm: Nhà cửa vật kiến trúc; máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải; hệ thống truyền dẫn và các tài sản cố định hữu hình khác. Tăng cường quản lý và sử dụng tài sản cố định là khai thác tối đa lợi ích và có biện pháp quản lý phù hợp để nâng cao tuổi thọ của tài sản. Để thực hiện việc này, Công ty có thể áp dụng một số biện pháp sau:

+ Đối với hệ thống truyền dẫn: Thường xuyên tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng, xả rửa để giảm tỷ lệ thất thoát, nâng cao tuổi thọ của hệ thống đường ống.

Do tài sản này nằm ngoài nhà máy vì vậy cần đưa ra biện pháp để quản lý tài sản tránh tình trạng mất mát, hư hỏng không đáng có.

+ Đối với hệ thống xử lý nước: Tiến hành bảo dưỡng định kỳ và có kế hoạch đầu tư nâng công suất các nhà máy hiện tại để nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản. Ngoài ra, cần bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, khai thác tối đa và nâng cao công suất làm việc của máy móc, thiết bị. Nghiên cứu áp dụng các dây chuyền sản xuất hiện đại để giảm chi phí nhân công và hóa chất xử lý nước.

+ Đối với phương tiện vận tải, máy móc thiết bị văn phòng: Cần kiểm soát chặt chẽ việc bảo dưỡng định kỳ theo đúng kế hoạch để đảm bảo chất lượng và tuổi thọ.

+ Đối với các tài sản cố định khác: Tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị không còn giá trị và giá trị sử dụng để giảm thiểu chi phí lưu kho, lưu bãi và bổ sung vào nguồn vốn đầu tư trang thiết bị mới.

+ Đối với tài sản cố định trang bị mới: Phải nghiên cứu và lựa chọn công nghệ phù hợp với nhu cầu và trình độ sử dụng để tận dụng triệt để các tính năng và có giá cả hợp lý. Khi thực hiện mua sắm phải chú trọng đến chế độ bảo hành sản phẩm, phụ tùng thay thế.

+ Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng các công trình, dự án để nhanh chóng đưa tài sản được hình thành vào hoạt động.

- Đối với tài sản lưu động:

Tài sản lưu động của Công ty bao gồm: Tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác. Để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản lưu động Công ty cần xác định nhu cầu sử dụng vốn lưu động một cách hợp lý sao cho vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh mà chi phí bỏ ra là thấp nhất, Công ty có thể áp dụng một số biện pháp sau:

+ Đối với khoản tiền và tương đương tiền: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và tiến độ thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn để xác định mức dự trữ tiền một cách hợp lý, tránh dự trữ dư thừa để đảm bảo trả nợ kịp thời đầy đủ mà vẫn tận dụng được các dòng tiền chưa cần sử dụng để đầu tư mang lại lợi nhuận.

+ Đối với hàng tồn kho: Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu bao gồm các nguyên vật liệu sản xuất nước, phụ tùng lắp đặt, đồng hồ, đường ống, phụ tùng thay thế,... Công ty cần phải giảm mức tồn kho vật tư để giảm chi phí bảo quản, lưu kho lưu bãi và tránh tình trạng ứ đọng vốn, vật tư bị lỗi thời, lạc hậu. Để giảm mức tồn kho vật tư mà vẫn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty cần bám sát với kế hoạch công tác hàng năm và kịp thời điều chỉnh khi có sự thay đổi để có kế hoạch mua sắm vật tư phù hợp, tránh lãng phí nguồn lực.

Ngoài ra, Công ty cần có phương án tận dụng được số vật tư còn tồn trong kho, vật tư thu hồi để giảm chi phí mua sắm mới một cách hợp lý. Bên cạnh đó, tiến hành thanh lý những loại vật tư không còn giá trị sử dụng và tồn kho nhiều năm để giảm diện tích lưu trữ, chi phí bảo quản.

+ Đối với các khoản phải thu ngắn hạn: Chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng. Hiện tại công ty đã áp dụng mức khoán số tiền thu được gắn với tiền lương hàng tháng được hưởng đối với đội ngũ thu ngân. Để giảm số vốn bị chiếm dụng này, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa công tác đốc thúc nợ, giảm số tiền phải thu của khách hàng, tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

b. Tăng cường đổi mới, tăng hàm lượng công nghệ đối với các tài sản đầu tư

Hiện tại Công ty đang tiến hành đầu tư mua sắm, xây dựng nhiều tài sản mới, hiện đại để áp dụng các khoa học công nghệ kỹ thuật mới và trình độ quản lý tiên tiến trong sản xuất kinh doanh nước. Trong thời gian tới, Công ty cần tăng cường và phát huy hơn nữa hoạt động này để ngày càng hiện đại hóa các máy móc thiết bị, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Tăng cường phân cấp quản lý tài sản

Trong quy chế quản lý tài sản cần phân định rõ quyền và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân đối với từng khâu, từng việc trong quy trình quản lý, sử dụng tài sản. Bên cạnh đó cũng đưa ra các mức xử lý cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức có những sai phạm trong quá trình quản lý và sử dụng tài sản.

d. Nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên

Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tạo điều kiện để các cán bộ quản lý tham gia các khóa học nâng cao trình độ, tiếp cận với trình độ khoa học kỹ thuật mới và trình độ quản lý tiên tiến.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng đặc biệt là các lớp thực hành để nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân tham gia sản xuất trực tiếp.

VIII.1.6. Áp dụng hệ thống, công cụ quản lý doanh nghiệp

a. Hoàn thiện và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ là toàn bộ môi trường kiểm soát; Quy trình đánh giá rủi ro; Hệ thống thông tin liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Các hoạt động kiểm soát và Giám sát các kiểm soát. Hệ thống kiểm soát nội bộ giúp cho doanh nghiệp khắc phục, phát hiện, phòng ngừa các rủi ro và đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm soát vững mạnh sẽ tạo được sự tin tưởng cao cho cổ đông và các nhà đầu tư. Vì vậy, Công ty cần chú trọng và ngày càng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị mình.

b. Cải tiến hệ thống văn bản, quy định

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các quy định trong nội bộ doanh nghiệp là định hướng cũng như căn cứ pháp lý để doanh nghiệp hoạt động. Hệ thống quy định nội bộ giúp cho Ban lãnh đạo điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để giúp cho việc quản trị doanh nghiệp có hiệu quả, hệ thống văn bản và quy định trong nội bộ doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các chế độ chính sách của nhà nước và tình hình hoạt động thực tế tại doanh nghiệp.

c. Phát triển hệ thống thông tin và hạ tầng công nghệ thông tin

Thông tin là một công cụ vô cùng quan trọng trong quá trình ra quyết định của các cán bộ quản lý. Các cán bộ quản lý chỉ có thể đánh giá, nhận xét, ra các quyết định khi có đầy đủ các thông tin đích thực, khách quan và đủ tin cậy. Hoàn thiện hệ thống thông tin theo hướng thường xuyên cập nhật, sàng lọc để tăng độ tin cậy và tính hữu dụng của thông tin sẽ giúp hiệu quả quản trị được nâng cao.

VIII.2. Phát triển mở rộng vùng phục vụ, nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng

VIII.2.1. Nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ

Kế hoạch phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030: với tốc độ phát triển như giai đoạn hiện nay thì đến năm 2030 tổng số khách hàng toàn công ty khoảng 110.000 khách hàng.

VIII.2.2. Thúc đẩy các giải pháp nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng

Ứng xử lịch sự, chu đáo tận tình trong quan hệ và giao tiếp với khách hàng.

Chủ động tìm hiểu và đáp ứng kịp thời nhu cầu dùng nước của khách hàng.

Đơn giản các thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ cấp nước của khách hàng.

Định kỳ khảo sát khách hàng đánh giá chất lượng dịch vụ cấp nước của công ty, để tìm ra các cơ hội cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động cấp nước.

*** Các hoạt động triển khai:**

- Về công tác đọc số đồng hồ:
 - + Tiếp tục duy trì và phát triển sử dụng đọc số đồng hồ 1 lần bằng smart phone.
- Về công tác thanh toán tiền nước:
 - + Tiếp tục phát hành và nâng cấp phần mềm hóa đơn điện tử; hướng tới thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, tiến hành đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước: Thu tại quầy, thu tại nhà, thu qua tài khoản ngân hàng, thu qua các dịch vụ thanh toán trung gian, qua các dịch vụ viễn thông và các hình thức thanh toán trực tuyến khác.
- Về dịch vụ cấp nước và quảng bá các hoạt động cấp nước của Công ty:
 - + Xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông để tiến tới các giao dịch của khách hàng với công ty chủ yếu là giao dịch trực tuyến.
 - + Duy trì và nâng cấp phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng, hướng tới đa số các thông tin phản ánh của khách hàng đều được tiếp nhận và xử lý kịp thời;
 - + Xây dựng đội thi công chuyên nghiệp, khắc phục nhanh các sự cố trong dịch vụ cấp nước tại các đơn vị quản lý địa bàn.
 - + Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động cấp nước của Công ty trên Website để khách hàng truy cập.
 - + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm chung của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước.

VIII.3. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới

Trong những năm tiếp theo ngoài việc nhân rộng những kết quả đã đạt được, Công ty sẽ tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào trong sản xuất, vận hành và quản lý, cụ thể các vấn đề sau:

- Tăng cường công tác đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ sư, cử nhân tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, tiếp cận với công nghệ mới để nghiên cứu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ để có được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 .

- Hàng năm bố trí nguồn kinh phí cho công tác truyền thông để nâng cao ý thức người dân trong vấn đề bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm;

Một số định hướng cho công tác nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật cho Công ty giai đoạn tiếp theo là:

- Nghiên cứu lắp đặt hệ thống cảnh báo bảo vệ nguồn nước online dọc theo lưu vực các con sông, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao do xả thải từ các khu công nghiệp, khu đô thị, các nhà máy sản xuất,... để chủ động và kịp thời ứng phó trong sản xuất;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong xử lý nước, mục tiêu là phát triển bền vững.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới để chủ động đối phó với sự ô nhiễm nguồn nước cũng như do biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu xử lý các nguồn nước có tính chất đặc biệt như nước chua phèn, nước lợ, nước mặn,...v.v để đảm bảo cấp nước an toàn.

14853
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH
THÁI BÌNH
HUNG

- Ứng dụng công nghệ mới, thiết bị mới, vật liệu mới một cách hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong quản lý mạng lưới, chống thất thoát thu nước sạch.

- Nghiên cứu các vấn đề điều khiển tự động hóa các công trình cấp nước, nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm nhân lực phù hợp với xu thế chung của thế giới và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Ứng dụng công nghệ thông tin sâu hơn nữa, để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong công tác sản xuất kinh doanh và quản lý hệ thống cấp nước.

- Nghiên cứu lựa chọn các thiết bị đo có chất lượng tốt, ổn định, chính xác và phù hợp với điều kiện của Công ty để tăng cường công tác giám sát, kiểm soát chất lượng nước Online.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống SCADA cho mạng lưới cấp nước, mục tiêu tăng cường công tác quản lý.

VIII.4. Tổ chức, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

VIII.4.1. Tổ chức, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty xác định việc tinh gọn tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo hướng hiện đại, linh hoạt và hiệu quả là một trong những định hướng chiến lược trọng tâm nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả vận hành toàn diện. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn hoạt động và yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, Công ty sẽ tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng/ban, đơn vị trực thuộc để loại bỏ chồng chéo, lược giản tầng nấc trung gian, tăng cường phân quyền và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đồng thời, ưu tiên mô hình tổ chức tinh gọn nhưng đa năng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào điều hành, quản lý, góp phần giảm thiểu công việc thủ công, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng suất lao động. Đây là bước đi cần thiết để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng linh hoạt với xu thế chuyển đổi số trong ngành cấp nước hiện nay.

VIII.4.2. Chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực cụ thể cho mỗi năm.

- Xem xét nhu cầu lao động phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động trong từng giai đoạn. Tuyển dụng đúng người, đúng thời điểm, bố trí vị trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các công nghệ mới, tự động hóa và chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cấp nước thông minh.

- Đảm bảo thu nhập ổn định, thỏa đáng và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Đánh giá kết quả công tác của cán bộ công nhân viên để có chế độ khen thưởng hoặc xử phạt kịp thời. Lắng nghe ý kiến của nhân viên về cải tiến quá trình lao động và tâm tư, nguyện vọng của họ.

VIII.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực

Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng phù hợp với nhiệm vụ, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu của Công ty.

- Thực hiện chuyên môn hóa sâu hơn cho từng công việc.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đào tạo thành các chuyên gia có trình độ cấp khu vực.
- Tăng cường nguồn lực đào tạo, học tập ở nước ngoài và các địa phương khác trong cả nước.

VIII.5. Mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi học tập kinh nghiệm

Tăng cường quan hệ hợp tác Hội cấp thoát nước Việt Nam, các công ty cấp nước trong khu vực để tiếp thu công nghệ hiện đại và nâng cao quản lý cấp nước.

Tìm kiếm, thiết lập mối quan hệ với các đối tác khác không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, đổi mới công tác quản lý theo hướng tiên tiến, hiệu quả. Qua đó nâng cao trình độ của cán bộ quản lý, kỹ thuật công ty.

VIII.6. Huy động các nguồn vốn

Hiện nay Công ty đang có quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại. Các tổ chức này đã và đang giúp công ty vay vốn ưu đãi có lãi suất thấp để triển khai các dự án cấp nước, được các tổ chức này đánh giá cao trong việc sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, trả nợ đúng hạn và đầy đủ. Trong thời gian tới tiếp tục phát huy để tranh thủ sự giúp đỡ cho các dự án mới.

VIII.7. Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông, quảng bá doanh nghiệp

Thực hiện chiến lược truyền thông và marketing để nâng cao nhận thức của khách hàng về các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động xã hội của Công ty.

- Nghiên cứu thị trường đưa ra các hướng tiếp cận thoả mãn nhu cầu khách hàng để trở thành nhà cung cấp nước với dịch vụ tốt nhất.
- Nâng cao khả năng liên lạc cho các khách hàng đồng thời cung cấp nhanh, đầy đủ các thông tin về Công ty và các dịch vụ đi kèm.
- Thương hiệu của Công ty được xác định xây dựng trên cơ sở chất lượng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tối đa của khách hàng.
- Trung thực với khách hàng: luôn giới thiệu theo cách trung thực nhất và đảm bảo cam kết với người tiêu dùng luôn thực hiện được.
- Quảng bá trên các kênh, phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài truyền hình, website công ty.

VIII.8. Bảo vệ nguồn nước và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Chung tay cùng UBND tỉnh, đầu tư nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo vệ nguồn nước, tuyên truyền người dân và doanh nghiệp không xả thải nước bẩn vào nguồn nước. Bản thân doanh nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguồn nước.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Để bảo đảm việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 -2030 được triển khai đúng mục tiêu, hiệu quả và tuân thủ quy định về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại

doanh nghiệp, Công ty tổ chức thực hiện công tác Giám sát nội bộ theo quy định, hướng dẫn của pháp luật.

Công tác giám sát tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: việc thực hiện phương án đầu tư, bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, quốc phòng – an ninh được giao. Đồng thời giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định. Bên cạnh đó, giám sát hoạt động đầu tư dự án, đầu tư vốn tại các doanh nghiệp khác, việc huy động và sử dụng vốn; quản lý tài sản, công nợ, các giao dịch liên quan đến tài sản cố định; việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn, thu hồi vốn, cổ tức. Công tác giám sát được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính, các báo cáo quản trị và các chỉ tiêu giám sát theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình)

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH			11.263		7.588				
1	Tuyến ống phân phối HDPE DN225-L2000m, DN160-L1200m cấp nước cho các khu dân cư phía Tây Bắc thị trấn Vũ Thư	Cấp nước sạch bổ sung cho cụm công nghiệp Tân Minh và các khu dân cư mới quy hoạch phía Tây Bắc xã Vũ Thư	DN250 L=1.400m	2.774	Năm 2026	1.248				
2	Trạm Tây Sơn: Sửa chữa, nâng công suất trạm xử lý từ 800m3/ngđ lên 2.500m3/ngđ (lắp đặt bể trộn, bể phản ứng, bể lọc)	Nâng công suất trạm cấp nước Tây Sơn lên 2.500m3/ngày đêm	Cải tạo công nghệ trong nhà máy	770	Năm 2026	481				
3	Xây dựng nhà điều hành, phòng dịch vụ khách hàng cho XN Tiền Hải	Cải tạo, chỉnh trang nhà máy	Xây dựng mới nhà làm việc 3 tầng	5.788	Năm 2026	3.928				
4	Đầu tư lắp đặt các tuyến ống phân phối mới để phát triển khách hàng	Mở rộng mạng lưới đường ống	L=1.890m	1.931	Năm 2026	1.931				
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI			170.352		4.637	47.938	62.310	46.733	



TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
1	Xây dựng bản đồ mạng lưới đường ống cấp nước khu vực thành phố Thái Bình	Số hoá mạng lưới đường ống, kết nối dữ liệu khách hàng		500	Năm 2026	500				
2	Nghiên cứu, lập dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và tuyến ống nước thô cấp cho nhà máy xử lý nước thị trấn Tiên Hải và Kiến Xương	Chuyển nguồn nước thô từ sông Kiến Giang sang sông Trà Lý	DN700-600 L=12.300m	155.776	Năm 2026-2029		46.733	62.310	46.733	
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển và giám sát các nhà máy, trạm cấp nước	Hiện đại hoá công tác quản lý vận hành các hệ thống cấp nước	Lắp đặt hệ thống giám sát, điều khiển	8.243	Năm 2026	1.878				
4	Đầu tư lắp đặt các tuyến ống phân phối mới để phát triển khách hàng	Mở rộng mạng lưới đường ống	L=5.950m	5.833	Năm 2025-2027	2.259	1.205			
C	CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN TRIỂN KHAI			209.450		45.320	62.165	42.685	40.930	18.350
C1	Công trình thu và trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô			39.650		16.020	17.105	4.525	2.000	0
1	Nâng cấp trạm bơm nước thô và hệ thống kiểm tra chất lượng nước cho Xí nghiệp nước Thành phố	Nâng công suất trạm bơm nước thô, lắp đặt hệ thống kiểm tra chất lượng nước	Lắp mới 01 tổ máy bơm Q=1.000m ³ /h và thiết bị	5.300	Năm 2026	5.300				
2	Nâng cấp trạm bơm nước thô Xí nghiệp nước Vũ Thư lên	Nâng công suất trạm bơm nước thô	Lắp mới 01 tổ máy bơm	900	Năm 2027		900			

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
	6.000m ³ /ngày đêm		Q=250m ³ /h							
3	Xây dựng công trình thu và trạm bơm nước thô công suất 5.000m ³ /ngày cho Xí nghiệp nước An Bài	Nâng công suất trạm bơm nước thô	Lắp mới 03 tổ máy bơm Q=120-130m ³ /h	1.800	Năm 2026	1.800				
4	Xây dựng công trình thu và trạm bơm nước thô công suất 10.000m ³ /ngày cho Xí nghiệp nước Tiền Hải	Nâng công suất trạm bơm nước thô	Lắp mới 03 tổ máy bơm Q=250m ³ /h	2.000	Năm 2026-2027	1.000	1.000			
5	Xây dựng tuyến ống nước thô HDPE D350-L=350m cho Xí nghiệp nước Tiền Hải	Xây dựng mới tuyến ống nước thô	DN350 L=350m	800	Năm 2027		800			
6	Xây dựng công trình thu, trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô HDPE DN315-L6.400m cho Xí nghiệp nước Hưng Hà	Chuyển nguồn thô từ nước ngầm sang nước mặt sông Luộc	DN315 L=6.400m	19.800	Năm 2026-2027	7.920	11.880			
7	Xây dựng tuyến ống nước thô HDPE DN315-L1.900m trạm cấp nước Tây Sơn	Xây dựng mới tuyến ống nước thô	DN315 L=1.900m	3.050	Năm 2027-2028		1.525	1.525		
8	Nâng cấp trạm bơm nước thô cho Trạm cấp nước Tây Sơn lên 10.000m ³ /ngày đêm	Nâng công suất trạm bơm nước thô	Lắp mới 03 tổ máy bơm Q=250m ³ /h	2.000	Năm 2027-2028		1.000	1.000		
9	Xây dựng tuyến ống nước thô HDPE DN315-L2.500m cho Xí nghiệp nước Nam Trung	Xây dựng mới tuyến ống nước thô	DN315 L=2.500m	4.000	Năm 2028-2029			2.000	2.000	

021
 CÔNG
 CỔ PH
 IỐC S
 HẢI B
 H HUN

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
C2	<i>Công trình xử lý nước, trạm bơm nước sạch, công trình phụ trợ trong nhà máy</i>			100.200		17.500	29.500	22.340	19.460	11.400
1	Nâng công suất nhà máy nước An Bài từ 1.500m ³ /ngày đêm lên 6.500m ³ /ngày đêm	Nâng công suất nhà máy nước An Bài	Cụm xử lý công suất 5.000m ³ /ngày đêm; Bể chứa dung tích 600m ³ ; Trạm bơm nước sạch	12.500	Năm 2026-2028	5.750	5.750	1.000		
2	Nâng công suất nhà máy nước Hưng Nhân từ 4.000m ³ /ngày đêm lên 7.000m ³ /ngày đêm	Nâng công suất nhà máy nước Hưng Nhân	Cụm xử lý công suất 3.000m ³ /ngày đêm; Trạm bơm nước sạch	7.800	Năm 2027-2029		1.000	2.340	4.460	
3	Nâng công suất nhà máy nước Tiên Hải từ 14.000m ³ /ngày đêm lên 24.000m ³ /ngày đêm	Nâng công suất nhà máy nước Tiên Hải	Cụm xử lý công suất 10.000m ³ /ngày đêm; Trạm bơm nước sạch	19.500	Năm 2026-2028	9.250	9.250	1.000		
4	Nâng công suất Trạm cấp nước Tây Sơn từ 2.500m ³ /ngày đêm lên 10.000m ³ /ngày đêm	Nâng công suất trạm cấp nước Tây Sơn	Cụm xử lý công suất 7.500m ³ /ngày đêm; trạm bơm nước sạch	20.000	Năm 2027-2029		7.500	7.500	5.000	

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
5	Nâng công suất của các nhà máy khác	Đáp ứng công suất toàn Công ty năm 2030 là 148.000 m3/ngày đêm	Q=17.200m3/ngày đêm	34.400	Năm 2027-2029		3.000	10.000	10.000	11.400
6	Lắp đặt hệ thống xử lý bùn cặn cho nhà máy nước Tiên Hải	Nâng cao hiệu quả xử lý bùn cặn	Lắp đặt hệ thống xử lý bùn hiện đại	5.000	Năm 2026-2027	2.500	2.500			
7	Cải tạo dây chuyền công nghệ Xí nghiệp nước Tiên Hưng	Nâng cao hiệu quả xử lý nước	Cải tạo bể tiếp xúc, bể lọc	1.000	Năm 2027-2028		500	500		
C3	Phát triển mạng lưới đường ống			44.200		8.650	10.410	12.320	9.370	3.450
1	Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn DN450-315 từ nhà máy ra mạng lưới đường ống	Nâng cao năng lực cấp nước	DN450-315 L=7.600	20.400	Năm 2026-2030	4.400	5.000	5000	5.000	1.000
2	Đầu tư lắp đặt các tuyến ống phân phối mới để phát triển khách hàng	Mở rộng mạng lưới đường ống	DN225,160,110 L=22.840m	20.800	Năm 2026-2030	4.250	4.660	6.570	3.620	1700
3	Lắp đặt bổ sung hệ thống trụ cứu hoả phòng cháy, chữa cháy trên mạng lưới đường ống	Nâng cấp hệ thống phòng cháy, chữa cháy trên mạng lưới đường ống	Lắp đặt bổ sung trụ cứu hoả	3.000	Năm 2027-2030		750	750	750	750
C4	Đầu tư hệ thống quản lý, giám sát các hệ thống cấp nước			25.400		3.150	5.150	3.500	10.100	3.500

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TR.ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TR.ĐỒNG)				
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
1	Lắp đặt hệ thống kiểm tra chất lượng nước thô cho Xí nghiệp nước Tiên Hải	Giám sát chất lượng nước	Giám sát 6 chỉ tiêu theo quy định của Luật Tài nguyên nước	3.300	Năm 2026-2027	1.650	1.650			
2	Lắp đặt hệ thống quan trắc chất lượng nước cho các nhà máy khác	Giám sát chất lượng nước		7.100	Năm 2026-2029	500			6.600	
3	Đầu tư hệ thống quản lý, giám sát các hệ thống cấp nước	Giám sát, điều khiển hệ thống cấp nước	Lắp đặt van điện điều khiển nhà máy; đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo lưu lượng, van điều tiết áp lực trên mạng lưới đường ống	10.000	Năm 2027-2030		2.500	2.500	2.500	2.500
4	Đầu tư chống thất thoát nước	Nâng cao hiệu quả chống thất thoát nước		5.000	Năm 2026-2030	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Tổng cộng (A+B+C):			391.065		57.545	110.103	104.995	87.663	18.350
	Làm tròn			391.100		57.500	110.100	105.000	87.700	18.400
D	KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN									
1	Quỹ đầu tư phát triển					11.554	20.000	18.000	18.000	
2	Nguồn vốn khấu hao TSCĐ và các nguồn huy động khác					45.946	90.100	87.000	69.700	18.400

Ghi chú:

1. Kế hoạch đầu tư phát triển nói trên là cơ sở để HĐQT quyết định chủ trương đầu tư các dự án cụ thể khi có đủ điều kiện theo quy định và tình hình cụ thể của công ty; Trường hợp có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc yêu cầu của địa phương và điều kiện pháp lý đảm bảo, Hội đồng quản trị sẽ quyết định các dự án trong kế hoạch 2026-2030 có thể được triển khai sớm hơn dự kiến;
 2. Khối lượng, quy mô đầu tư, đơn giá, tổng mức đầu tư, tiến độ triển khai các dự án được lập trên cơ sở khái toán theo mét ống, khách hàng và một số dự án tương đương công ty đã triển khai; Quy mô, tổng mức đầu tư và tiến độ phụ thuộc vào thực tế;
 3. Tiến độ thực hiện các dự án có thể kéo dài do vướng các thủ tục về quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, thoả thuận vùng cấp nước, thủ tục đất, giấy phép thi công và các nguyên nhân khác như cung ứng vật tư thiết bị ảnh hưởng bởi tình hình ổn định của thế giới, ...v.v.
 4. Kế hoạch giải ngân giai đoạn 2026-2030 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch tiến độ thực hiện dự án, tổng mức đầu tư, kế hoạch bố trí vốn của Công ty. Số tiền dự kiến giải ngân các năm có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án và tình hình cụ thể của công ty.
-



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH

Hưng Yên, tháng 5/2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Người điều hành Công ty	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 36. Thư ký Công ty	35
IX. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát	36
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	37
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	37
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	42

Điều 49. Năm tài chính.....	42
Điều 50. Chế độ kế toán	42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
Điều 52. Báo cáo thường niên	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 53. Kiểm toán.....	43
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	44
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	44
XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	44
Điều 55. Giải thẻ Công ty	44
Điều 56. Gia hạn hoạt động	44
Điều 57. Thanh lý	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 59. Điều lệ công ty	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-DHĐCD ngày 20 tháng 5 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- d) *Luật chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, và Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI BINH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường Trần Thủ Độ, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại: 0227.3831.632

- Fax: 0227.3642.015

- Email: nuocsachthaibinh.jsc@gmail.com

- Website: <http://capnuocthaibinh.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty:

a. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

3. Ủy quyền thực hiện quyền của Người đại diện theo pháp luật:

Khi cần thiết, Người đại diện theo pháp luật có thể thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản (ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền theo vụ việc) cho người khác để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4	Xây dựng công trình thủy	4291
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành nước. (trừ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4659
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng cấp, thoát nước và xử lý nước thải	4663
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp, thoát nước; - Thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình cấp, thoát nước.	7110

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang đến cho khách hàng dịch vụ cung cấp nước sạch an toàn chất lượng. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một

cách ổn định, lâu dài. Tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng lý, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 98.500.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.850.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần này được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ



và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính

xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ

phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp

thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi

để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông



119

chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên

Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong

trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc

một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã

được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có)
- k) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng

11

tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 75% được đề cử tối đa bốn ứng viên; và từ 75% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin

1853-
TY
HÀN
SẠCH
BÌNH
IG YÊN

MS

theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho người quản lý và người điều hành;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành

Chứng khoán
★

110

viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc

làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này

được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách

nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản, Nghị quyết cuộc họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hoá thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Thư ký Công ty được nhận thù lao cho công việc của mình, mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

e) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

g) Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quy định.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai ứng viên; và từ 50% trở

lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc,

người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định của Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan; quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ để bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc



10

thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 (năm đầu tiên chuyển sang Công ty cổ phần)

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của

Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ

đồng chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ

khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình nhất trí thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 01 bản, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Thiên Bắc